

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 09 - 08 - 2022

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn,
chia tài sản chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn ngoan.

Các Thẩm phán: + Bà Hoàng Thị Thơ;

+ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn, chia tài sản chung”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 188/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 07 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Khu Phố 05, phường M, thành phố Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1929 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1938 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1974 (có mặt);

- Bà Lê Thị Quê E, sinh năm 1975 (có mặt);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Bé M1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Thân Đạo, xã Thân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang;

- Ông Phạm Văn T – chủ Doanh nghiệp tư nhân T (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Đào Văn O – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H I, II. (tên thường gọi Nhà máy S) (xin vắng mặt);

Địa chỉ kinh doanh: Ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Văn phòng Công chứng huyện Chợ Gạo.

Đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Tâm – Trưởng văn phòng (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 133 ấp 1, xã Đạo Thạnh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp S, xã T, huyện Chợ Gạo, Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Long Hưng, xã Phước Thạnh, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

4. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1957 (vắng mặt);

- Bà Phạm Thị A, sinh năm 1951 (vắng mặt);

- Bà Phạm Thị Kim V, sinh năm 1972 (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

- Ông Đoàn Công H, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- Công Ty TNHH Đại T (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo pháp luật: Nguyễn Quốc T.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

- Ông Võ Văn T, sinh năm 1957 (vắng mặt);
- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1957 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1961 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- Cao Phục S, sinh năm 1970 (vắng mặt);
Địa chỉ: ấp A, xã Phú K, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- Ông Phạm Văn C, sinh năm 1962 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
- Ông Lê Văn A, sinh năm 1961 (vắng mặt);
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Quê E.
(.....)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm.*

Nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn P qua quen biết, có qua lại tìm hiểu nhau từ năm 1993, sống chung chính thức như vợ chồng năm 1997 đến năm 2009 thì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Kiết, huyện Chợ Gạo. Thời gian đầu sống hạnh phúc đến năm 2018 ông P nộp đơn xin ly hôn với bà, bà có phản tố yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Sau đó ông P năn nỉ xin đoàn tụ và rút đơn xin ly hôn, sau khi ông P rút đơn ly hôn bà cũng rút đơn yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án đình chỉ giải quyết. Bà rút đơn về thì phát hiện trong quá trình vợ chồng đang ly hôn, bà đang yêu cầu phân chia tài sản thì ông P chuyển nhượng 03 thửa đất là tài sản chung của vợ chồng có trước khi kết hôn, có trong quá trình sống chung tạo lập cho anh ruột ông P là ông Nguyễn Văn Y, khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án thì ông Nguyễn Văn Y đến nhà đuổi bà ra khỏi nhà và thông báo cho bà biết đất đai ông P đã chuyển nhượng cho ông Y đứng tên, việc ông P rút đơn xin ly hôn với bà là mục đích để ông P muốn chiếm đoạt tài sản chung chứ không phải muốn đoàn tụ với bà, bà thấy rằng vợ chồng hiện không còn tình nghĩa gì, đã mâu thuẫn rất trầm trọng nên bà xin ly hôn với ông P.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông P hiện tại có các tài sản chung như sau:

+ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 07, diện tích 164,3m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03191

cấp ngày 01/6/2011 cho ông Nguyễn Văn P đứng tên. Trên thửa đất này có căn nhà kiên cố cất vào năm 2009, hiện ông P đã chuyển nhượng phần đất này cho ông Nguyễn Văn Y;

+ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 07, diện tích 67m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 02360 cấp ngày 30/9/2014 cho ông Nguyễn Văn P đứng tên. Trên thửa đất này có căn nhà cất năm 2000;

+ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 07, diện tích 181,1m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS21675 cấp ngày 18/12/2017 cho ông Nguyễn Văn P đứng tên;

+ Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.540m² tọa lạc ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03190 cấp ngày 01/6/2011 cho hộ ông Nguyễn Văn P đứng tên. Hiện ông P đã chuyển nhượng cho Nguyễn Văn Y;

+ Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 06, diện tích 630,8m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03189 cấp ngày 01/6/2011 cho ông Nguyễn Văn P đứng tên. Hiện ông P đã sang nhượng cho Nguyễn Văn Y;

+ Số lúa gửi nhà máy T (Chủ nhà máy là ông Phạm Văn Thanh): Gửi vào các ngày 13/02/2018 gửi số lượng 89.708kg; Ngày 24/02/2018 gửi số lượng là 76.714kg; Ngày 20/3/2018 gửi số lượng là 80.124kg; Ngày 20/03/2018 gửi số lượng là 105.117kg. Tổng cộng là 351.663kg; Số lúa này ông P đã xay ra vào năm 2019 và mua gửi lại 300.000 kg lúa OM và Tài Nguyên, bà thống nhất giá như lúc mua vào là 2.000.000.000 đồng.

+ Đối với số lúa gửi nhà máy Đ (Chủ nhà máy là ông Đoàn Hữu G): Ngày 20/02/2018 gửi số lượng là 79.566kg. Số lúa này nhà máy Đ cấu kết với ông P không thừa nhận bà và ông P có gửi số lượng lúa nêu trên nên bà xin rút lại không yêu cầu chia đối với số lúa này.

+ Số lúa gửi nhà máy S (Chủ nhà máy là ông Đoàn Văn T): Ngày 30/02/2018 gửi số lượng là 73.889kg; Ngày 09/3/2018 là 79.567kg. Tổng cộng là 153.456kg. Đối với số lúa này ông P đã thỏa thuận với bà cho ông P xay lúa xong ông P sẽ mua lại số lúa trên để gửi dựa lại, bà sợ lúa để lâu sẽ bị ẩm vàng không xay bán gạo được nên có đến nhà máy yêu cầu được xay lúa. Tuy nhiên, sau khi xay lúa xong ông P không mua lúa dựa lại theo thỏa thuận và không chia ½ giá trị lúa cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa buộc ông P có nghĩa vụ chia cho bà ½ giá trị số lúa trên theo giá mua vào 6.600đồng/kg.

Đối với các tài sản chung nêu trên bà M yêu cầu:

- Hủy các Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất

ông P đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Y gồm thửa số 25, thửa số 261, thửa số 18.

- Chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm đất và tài sản khác, cụ thể:

+ Bà yêu cầu được nhận các thửa đất số 25, diện tích 164,3m²; Thửa đất số 53; diện tích 67m²; Thửa đất số 12, diện tích đất 181,1m²; Thửa đất số 18, diện tích đất 630,8m². Tất cả các phần đất nêu trên tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

+ 1/2 giá trị lúa gửi nhà máy T, nhà máy S là 1.506.074.800 đồng.

+ Giao thửa đất còn lại số 261, diện tích 3.540m² tọa lạc ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang giao cho ông P quản lý, sử dụng và số lúa 300.000kg gửi tại nhà máy T.

+ Phần chênh lệch sẽ được chia bù trừ giá trị nếu có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà M có quen biết với nhau vào năm 2000 đến năm 2009 thì mới đăng ký kết hôn, không có chung sống trước khi kết hôn. Nay bà M xin ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà M.

Về tài sản chung: Không đồng ý theo yêu cầu chia các tài sản chung của bà M đối với phần đất ông đã sang nhượng cho ông Y.

Các thửa đất còn lại đồng ý chia đôi theo yêu cầu của bà M, riêng nhà lầu vợ chồng đang ở không đồng ý chia, vì nhà thuộc quyền sở hữu của ông và ông Nguyễn Văn Y, Nguyễn Văn P1 xây để cho ông ở, ông đề nghị được nhận đất và đồng ý trả lại giá trị cho bà M theo giá hội đồng định giá đã định.

Đối với chiếc xe tải hiện bà M đang quản lý, ông có nêu trong bản khai ông không yêu cầu để thỏa thuận với bà M, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện chia sau. Ngoài ra, ông còn có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án sớm vì để lâu lúa ông đang trong giai đoạn hư, không xay bán gạo được vì sẽ bị ẩm vàng.

Về số lúa đang gửi tại nhà máy T là 300.000 kg với giá mua vô ban đầu là 2.000.000.000 đồng. Đây là tài sản riêng của ông do ông và ông Phong, ông Y hùn mua để dựa lại lúa lên để bán chia nhau, bà M không có tài sản chung gì đối với số lúa này.

Ngoài ra có số lúa gửi ở nhà máy S số lượng là 153.456kg ông đã xay lúa xong và đã bán xong trả tiền nợ Ngân hàng, còn dư lại 03 anh em ông đã chia nhau xong. Không phải là tài sản chung giữa ông và bà M nên không đồng ý chia.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Ông Nguyễn Văn Y có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Y không đồng ý hủy các hợp đồng tặng cho đất giữa ông P tặng cho ông Y vì việc tặng cho trên là hợp pháp. Đối với số lúa 300.000kg thống nhất giá trị 2.000.000.000 đồng gửi tại nhà máy T là tài sản chung của 03 anh em ông

Y, ông Phong và ông P chứ không phải tài sản của vợ chồng ông P, bà M nên ông Y yêu cầu Tòa án xác định đó là tài thuộc sở hữu chung của 03 anh em ông Y, không đồng ý chia theo yêu cầu bà M.

- Ông Nguyễn Văn P1 trình bày:

Thửa đất số 261, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.540m² tọa lạc ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Hiện ông P đã chuyển nhượng cho Nguyễn Văn Y là của gia đình ông mua để cho anh Phẩm đại diện hộ đứng tên, nay thống nhất tặng cho lại ông Y chứ không phải là tài sản chung của ông P với bà M. Đối với số lúa 300.000 kg giá trị 2.000.000.000 đồng gửi tại nhà máy T là tài sản chung của 03 anh em ông là Yên, Phẩm, Phong chứ không phải tài sản của vợ chồng ông P, bà M nên không đồng ý theo yêu cầu bà M.

- Chị Lê Thị Quê Em, chị Nguyễn Thị Mười, chị Nguyễn Thị Tuyết H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị N cùng có chung ý kiến trình bày:

Đối với các thửa đất số 25 có diện tích 164,3m² ; thửa đất số 18 diện tích đất 630,8m² ông P đã chuyển nhượng cho ông Y là tài sản riêng của ông P, hiện ông Y đang quản lý nên chúng tôi không đồng ý theo yêu cầu chia tài sản của bà M. Đối với thửa đất số 261, tờ bản đồ số 21, diện tích 3.540m² tọa lạc ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Hiện ông P đã sang nhượng cho Nguyễn Văn Y là tài sản của hộ gia đình chúng tôi mua để cho ông P đại diện đứng tên, ông P là người đại diện trực tiếp mua trả tiền, chúng tôi không nhớ giá cả, nay thống nhất tặng cho lại ông Y chứ không phải là tài sản chung của ông P với bà M.

Về số lúa 300.000 kg gửi tại nhà máy T là tài sản chung của ông P, ông Y và ông Phong hùn vốn mua nên đề nghị Tòa án công nhận cho ông Y, ông Phong, ông P.

- Ông Phạm Văn T – chủ doanh nghiệp tư nhân T (chủ nhà máy T) trình bày:

Vào khoảng tháng 01, 02 năm 2020 ông Nguyễn Văn P có đi cùng ông Nguyễn Văn Y đến nhà máy của ông để gửi 300.000 kg lúa, loại lúa OM và Tài Nguyên, mục đích gửi là để khi nào giá lúa lên thì ông P sẽ xay lúa ra bán gạo, nhà máy chỉ lấy tiền gia công, không lấy tiền kho bãi dựa lúa. Khi gửi chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy tờ gì, hai bên thỏa thuận đến tháng 11/2020 âm lịch sẽ xay lúa trả nền kho cho ông. Việc ông P, ông Phong, ông Y khai số lúa của ba người ông không rõ, ông chỉ biết có ông P và ông Y đi cùng đến gửi lúa, ông chỉ giao dịch tiền bạc với ông P như ông P trả tiền gia công cho nhà máy, ông Y không có giao dịch tiền bạc gì với ông, còn ông Phong ông không hề biết là ai vì không có đến nhà máy gửi lúa hay giao dịch gì với ông lần nào. Theo ông thì ông biết lúa của ông P vì ông P là người chính đứng ra giao dịch toàn bộ, còn ông Y chỉ thấy trông coi việc xay lúa, trải manh phụ với ông P. Ông bận việc nên xin vắng mặt không có yêu cầu gì, chỉ yêu cầu ông P xay lúa sớm trả mặt bằng kho bãi cho ông.

- Ông Đoàn Văn Oanh – Chủ doanh nghiệp tư nhân H 1,2 (tên thường gọi nhà máy S) trình bày:

Vào khoảng tháng 02, 03 năm 2018 ông P có đến nhà máy gửi số lúa 153.456kg loại lúa Butin và Tài Nguyên. Đến tháng 03/2019 thì ông P và bà M có đến yêu cầu nhà máy kết hợp cho xay lúa để bán gạo cho các đại lý nhỏ, lẻ. Thỏa thuận giữa nhà máy và ông P khi gửi lúa tại kho là nhà máy chỉ lấy tiền gia công

thành phẩm gạo 300 đồng/kg gạo, không lấy tiền kho bãi, phụ ông P bán gạo. Hiện số lúa này ông P đã xay xong, nhà máy chỉ giao dịch với ông P, toàn bộ chỉ giao dịch với ông P chứ không giao dịch tiền bạc với bà M và ông Y. Ông bận việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt không có yêu cầu gì.

- *Văn phòng công chứng Chợ Gạo có đại diện theo pháp luật bà Võ Thị Tâm và ông Nguyễn Văn T là công chứng viên cùng thống nhất trình bày:*

Ngày 16/7/2019 Văn phòng công chứng huyện Chợ Gạo có nhận yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 25 có diện tích 164,3m²; thửa đất số 261; Diện tích đất 3.540m²; thửa đất số 18 diện tích đất 630,8m² các thửa đất trên Văn phòng công chứng và công chứng viên thực hiện thủ tục đúng qui trình công chứng theo Luật công chứng năm 2014 và đúng theo quy định pháp luật đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Ông Nguyễn Văn L trình bày:*

Ông là anh ruột ông Nguyễn Văn P và là sui với bà M, ông là người có cùng hộ khẩu với ông P vào thời điểm ông P mua thửa đất số 261, diện tích 3.540 m² mua của ông Đoàn Công H, ông không có đóng góp gì vào việc ông P mua phần đất trên nên không có yêu cầu gì. Ông được biết bà M và ông P giai đoạn đầu cặp với nhau ăn ở lén lút vì sợ xã hội dị nghị vì chỗ bà M làm sui với ông nên không có ra mặt, có mướn đất bà Giàu và ông Tài cất cái chòi để ở buôn bán gỗ gai sau này cất nhà lâu thì sống công khai. Ông xin không tham gia tố tụng đối với vụ án giữa bà M và ông P.

- *Anh Nguyễn Văn T2 trình bày:*

Anh là người có cùng hộ khẩu với ông P vào thời điểm ông P mua thửa đất số 261, diện tích 3.540 m² mua của ông Đoàn Công H, ông không có đóng góp gì vào việc ông P mua phần đất trên nên không có yêu cầu gì và xin không tham gia tố tụng trong vụ tranh chấp giữa bà M với ông P.

* *Người làm chứng trình bày:*

- *Ông Nguyễn Văn P2 và bà Phạm Thị A cùng thống nhất trình bày:* Vào năm 2000 vợ chồng tôi có bán cho ông P, bà M phần đất diện tích 67m² cặp sông Bảo Định, nay là thửa đất số 53 do ông P đứng tên. Đến năm 2007 vợ chồng chúng tôi tiếp tục bán cho ông P một phần đất diện tích 417m² và con chúng tôi là Nguyễn Văn Hòa có bán cho ông P, bà M diện tích 254m² đất, ông P hợp thửa nay là thửa số 18, diện tích đất 630,8m². Hai vợ chồng ông P, bà M đều xuống xem đất và cùng giao dịch mua bán với vợ chồng chúng tôi, lúc đó ông P và bà M còn đang ở cái chòi mướn đất của bà Giàu và ông Tài ở để buôn bán gỗ với nhau, theo vợ chồng tôi thấy thì lúc đó bà M và ông P đã chung sống với nhau như vợ chồng, có nghe bà M nói để cho ông P đứng tên sợ con riêng bà M giành, chứ chính bà M là người trực tiếp giao tiền cho vợ chồng chúng tôi khi mua đất. Ngoài ra, ông Phát còn khai ông sinh ra và lớn lên ở ấp Phú Lợi A, ông cũng là cán bộ nhà nước kinh qua các chức vụ như Công A huyện Chợ Gạo, Phó trưởng ấp Phú Lợi A và Phó bí thư chi bộ ấp Phú Lợi A theo yêu cầu Tòa án xác minh ông P và bà M sống chung như thế nào thì ông được biết vào những năm 1993, 1994 thấy hai người có qua lại với nhau, thường xuyên chở nhau đi mua bán chung, đến năm 1997 thì hai người mướn đất bà Giàu và ông Tài cất cái chòi sống chung nhau, đến khoảng năm 2009, 2010

thì thấy xây căn nhà hiện vợ chồng đang ở, thấy xây làm hai lần mới xong. Ông Nguyễn Văn Y (ở địa phương gọi tên Mo) và ông Nguyễn Văn P1 là anh em với ông P có nghề nghiệp làm bóc vác và trồng ngô gai, ông không thấy ông Y và ông Phong mua bán lúa, chỉ có ông P mua bán lúa về dựa lại các nhà máy. Ông cam đoan khai trung thực, đúng sự thật và chịu trách nhiệm đối với lời khai của ông.

- Ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị Kim V cùng thống nhất trình bày:

Chúng tôi là người hàng xóm với ông P, bà M. Vào năm 2006 chúng tôi và mẹ chúng tôi là bà Nguyễn Thị Thai (đã chết) có bán cho bà M, ông P thửa đất số 25, diện tích 164,3m² giá 35.000.000 đồng, lúc bán đất bà M là người trực tiếp giao tiền cho bà Thai và vợ chồng chúng tôi chứng kiến, lúc này ông P và bà M đang ở cái chòi thuê của bà Giàu và ông Tài để mua bán ngô, sau khi mua đất của gia đình chúng tôi thì thời gian sau cất nhà trên phần đất này và sống đến nay, theo chúng tôi biết nguồn tiền là của bà M mua nhưng chỉ để mình ông P đứng tên. Chúng tôi cam đoan khai trung thực, đúng sự thật và chịu trách nhiệm đối với lời khai của mình.

- Ông Võ Văn T và bà Nguyễn Thị G trình bày:

Vào ngày mùng 09 tháng 01 năm 1997 chúng tôi có cho bà M và ông P thuê 01 phần đất diện tích ngang 5m dài khoảng 20m đất ở Phú Lợi B, xã Phú Kiết để bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn P cất nhà để làm ăn buôn bán và sống chung nhau như vợ chồng, thuê 03 năm thì trả đất lại cho chúng tôi, lúc đó hai người đã sống như vợ chồng. Chúng tôi cam đoan khai trung thực, đúng sự thật và chịu trách nhiệm đối với lời khai của mình.

- Ông Đoàn Công H trình bày:

Vào năm 1997 ông có bán cho ông Nguyễn Văn P phần đất 3.540m² đất tọa lạc tại ấp B, xã P, ông giao dịch với ông P như ông P xem đất, ông bán cho ông P giá 3 lượng vàng 24kr/1000m² đất, ông P là người đến giao vàng cho ông, bà M không có giao dịch mua bán và cùng ông P giao vàng cho ông, bà M chỉ gặp ông có hỏi thăm việc mua bán đất giữa ông P và ông thực hiện xong chưa, ông xác định chỉ có giao dịch với cá nhân ông P, ngoài ra không giao dịch mua bán đất với những người trong hộ ông P,

- Ông Cao Phục S trình bày:

Vào năm 2017 gia đình ông có bán cho ông P, bà M thửa đất số 12, tờ bản đồ số 07, diện tích 181,1m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang, khi giao dịch mua bán với nhau cả bà M và ông P đều trực tiếp giao dịch mua đất và cả hai vợ chồng ông P, bà M đều đến nhà ông giao tiền trực tiếp cho ông có sự chứng kiến của cán bộ tư pháp xã Phú Kiết là anh Nguyễn Ngọc Tú. Ngoài ra theo yêu cầu xác minh của Tòa án về quan hệ hôn nhân của ông P, bà M thì ông Sơn cho biết. Vào năm 1990-2010 ông là Bí thư chi bộ ấp Phú Lợi B nơi ông P và bà M thuê đất bà Giàu và ông Tài sinh sống, ông khẳng định vào năm 1997 ông P và bà M có thuê đất ông Tài cất nhà sống chung với nhau hai người mua bán ngô, việc ông P và ông Phong, ông Y có cùng nhau mua bán lúa chung với nhau ông không rõ vì mua ở nơi khác về dựa vô nhà máy, ông chỉ biết nghề nghiệp ông Y hay đi vác lúa ở nhà máy và trồng ngô, ông Phong thì chỉ trồng ngô, không thấy ông Phong, ông Y đi mua lúa nên có hùn mua bán lúa với ông P hay không ông không

rõ. Ông bận việc nên đề nghị xin vắng mặt khi tòa án giải quyết.

- Công ty TNHH Đại T, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Quốc T trình bày:

Công ty ông có bán vật liệu xây dựng cho bà Lê Thị M và ông Nguyễn Văn P để cất nhà, có bán nhiều lần nghe nói mua để cất nhà lâu, mua nhiều lần, mua bao nhiêu vật liệu, bao nhiêu tiền ông không còn nhớ. Khi trả tiền thì lúc nào cũng có mặt hai vợ chồng trả, ông bận việc nên đề nghị xin vắng mặt khi tòa án giải quyết.

- Ông Nguyễn Văn H trình bày:

Khoảng gần đến tết âm lịch năm 2014 ông có nghe cháu ông tên Tí có nói ông P và bà M đang cần người xây nhà nên vợ chồng ông có ghé nhà ông P và bà M đề thỏa thuận việc xây nhà. Ông và vợ ông có đến nhà thì gặp bà M và ông P, hai bên thỏa thuận giá cả, có làm hợp đồng ông sẽ xây cầu thang tầng trệt và xây thêm tầng lầu 1 hoàn thiện vì căn nhà này đã có xây trước phần móng và tầng trệt xong. Sau khi hợp đồng xong thì ông đem thợ, công nhân đến để thực hiện việc xây dựng nhà cho ông P và bà M, xây tầm 2,5 tháng là xong, ngày xây xong nhà là 30 tết âm lịch bàn giao nhà. Quá trình thi công nhà thì hàng tuần ông có ứng trước tiền để trả công thợ mỗi tuần, lúc thì bà M trả tiền, lúc thì ông P trả, khi xây xong bàn giao nhà thì ông P trả hết phần còn lại, đo diện tích bao nhiêu tính bấy nhiêu, giá thỏa thuận 700.000 đồng/m². Ông cam đoan khai trung thực, đúng sự thật và chịu trách nhiệm đối với lời khai của mình.

- Ông Huỳnh Văn S trình bày:

Ông là chồng trước của bà Lê Thị M, ông cưới bà M vào năm 1979, vợ chồng không có đăng ký kết hôn, sau khi cưới ông và bà M sống hạnh phúc thời gian đầu đến năm 1992 ông Nguyễn Văn P ở gần nhà vợ chồng ông hay lên nhà ông để hát karaoke với bà M. Sau đó ông P rủ vợ ông là bà M đi mua bán lúa với nhau, ông nghĩ chỗ thân quen nên ông mới cho bà M đi mua lúa chung ông P, nhưng không ngờ hai người có tình ý với nhau, ông mới báo sự việc cho má vợ ông biết, má vợ ông đánh bà M nên bà M thề không sống với ông nữa, từ đó bà M và ông P sống với nhau, đến 1997 công khai thuê đất ông Tài cất nhà sống chung với nhau. Đến năm 2002 ông quen với vợ sau của ông hiện nay là bà Võ Thị H, ông đi đăng ký kết hôn ủy ban xã không cho yêu cầu ông phải có giấy độc thân nên ông đề nghị bà M ra Tòa làm thủ tục ly hôn chứ ông và bà M đã chính thức không còn chung sống với nhau năm 1992, hiện giờ ông đã có vợ nên không còn liên quan gì, đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt tránh hiểu lầm với vợ sau.

- Ông Phạm Văn Ch, ông Lê Văn A trình bày:

Ông C và ông A là người địa phương sống gần nhà ông P, bà M (nhà ông P và bà M thuê đất ông Tài cất) Ông C và ông A đều khai vào năm 1997 ông P và bà M sống chung trên phần đất thuê ông Tài cất nhà ở để buôn bán ngò và mua lúa, sau đó mua đất bà Thai, ông Phát cất nhà ở. Nghề nghiệp ông Y là xúc cám, vác lúa nhà máy, ông Phong trồng ngò. Việc có hôn mua lúa với ông P hay không các ông không rõ.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Căn cứ vào Điều 16, Điều 33, Điều 51, Điều 55, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 123, 207, 213, 219, 423 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị M đối với ông Nguyễn Văn P.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị M với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Không có con chung;

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M đối với số lúa 79.566 kg gửi tại nhà máy Đ.

3.2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M xin chia thừa đất số 261, tờ bản đồ số 21, diện tích 3540,0m² tọa lạc ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03190 cấp ngày 01/6/2011 cho hộ ông Nguyễn Văn P. Hiện nay đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Y và ông Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 22292 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/8/2019.

3.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện xin chia tài sản chung của bà Lê Thị M đối với ông Nguyễn Văn P.

Hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn P chuyển nhượng ông Nguyễn Văn Y đối với các thửa đất số 25, thửa số 18.

Chia cho bà Lê Thị M các tài sản sau:

+ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 07, diện tích 164,3m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Trên thửa đất này có căn nhà kiên cố diện tích 140.5m² nhà 02 tầng, nhà có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, vách tường, khu phụ trần thạch cao, mái ngói đỡ mái gỗ qui cách, loại nhà KCB2.

+ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 07, diện tích 181,1m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

+ 45 % giá trị lúa tương đương số tiền 1.355.467.430 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

3.4. Chia cho ông Nguyễn Văn P các tài sản sau;

+ Thừa đất số 18, tờ bản đồ số 06, diện tích 630,8m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

+ Thừa đất số 53, tờ bản đồ số 07, diện tích 67m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Trên đất có ngôi nhà diện tích nhà 92,45m² nhà có một phần nằm trên hàng lang bảo vệ sông Bảo Định (ngoài phần đất được cấp giấy chứng nhận), nhà có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, vách tường chưa tô hai mặt, 01 vách nhor, loại nhà KCB1.

+ 55 % giá trị lúa tương đương số tiền 1.656.682.280 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng).

3.5. Giao cho ông P quản lý và được quyền sở hữu đối với số lúa 300.000 kg gửi tại nhà máy T, ông P được quyền đến nhà máy T nhận số lúa trên.

3.6. Ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M 45 % giá trị lúa tương đương số tiền 1.355.467.430 - 48.432.298 đồng (số tiền chênh lệch về nhà đất chia cho bà M) nên còn phải trả bà M số tiền là 1.307.035.023 đồng (một tỷ ba trăm lẻ bảy triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn không trăm hai mươi ba đồng).

(Các thửa đất chia cho bà M, ông P, hình thể, tứ cận, diện tích, số đo, vị trí có theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và mảnh trích đo địa chính kèm theo).

Bà M và ông P có quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu về tài sản đối với các tài sản được chia.

4. Về nợ chung: Không có nợ chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

- Ngày 15/02/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Quê E có đơn kháng cáo yêu cầu:

+ Xem xét phần tiền vay ngân hàng là 1 tỷ đồng và tiền mà vợ chồng bà hùn vào là 500 triệu đồng.

+ Xem xét việc bà Lê Thị M kéo dài không cho chà lúa, làm hư hại tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Quê E giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn bà Lê Thị M không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Quê E, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử

không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Quê E, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Quê E, nghe các bên đương sự trình bày trước tòa. Qua tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Lê Thị M khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn P yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo quy định tại các Điều 51, 59 Luật hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Lê Thị M khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Văn P là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Quê E đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về sự có mặt của các đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn M; bà Nguyễn Thị N; Nguyễn Thị Bé Mười; Nguyễn Thị Tuyết H; Phạm Văn Thanh; Đào Văn O; Bà Võ Thị Tầm; Nguyễn Văn T; Nguyễn Văn L; Nguyễn Văn T2 vắng mặt, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy việc xét xử phúc thẩm không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[5] Về nội dung kháng cáo:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Quê E kháng cáo yêu cầu xem xét số tiền vợ chồng bà Quê Em hùn vốn với ông P mua lúa gửi tại nhà máy Thành Bình. Theo ông Phong đối với số lúa 300.000 kg giá trị 2.000.000.000 đồng gửi tại nhà máy T là tài sản chung của 03 anh em ông là Yên, Phẩm, Phong chứ không phải tài sản của vợ chồng ông P, bà M. Tại đơn trình bày ý kiến ngày 06/11/2020 bà Lê Thị Quê E thống nhất trình bày số lúa 300.000 kg giá trị 2.000.000.000 đồng gửi tại nhà máy T là tài sản riêng của 03 anh em ông là Yên, Phẩm, Phong.

Xét yêu cầu kháng cáo nhận thấy: Ông P và bà M và chủ nhà máy T đều khai khai thống nhất số lượng lúa gửi tại nhà máy này vào tháng 02 năm 2020, thống nhất số lượng là 300.000 kg, giá là 2.000.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số lúa này là tài sản trong thời kỳ hôn nhân của bà M và ông P và chia số

lúa này. Ông P cho rằng số lúa là tài sản riêng của các anh em gồm ông P, ông Y, ông Phong nhưng không có chứng cứ chứng minh việc các anh em ông có cùng ông P cùng hùn vốn mua lúa. Vì theo lời khai của ông Thanh chủ nhà máy T thì từ trước đến nay ông P gửi lúa ở nhà máy ông Thanh rất nhiều lần, ông Thanh chỉ giao dịch tiền bạc với ông P, ngoài ra không có giao dịch về việc gửi giữ, tiền bạc với ông Y, ông Phong và bà M. Khi lúa lên ông P yêu cầu nhà máy xay thì nhà máy xay thành phẩm gạo cho ông P, nhà máy lấy tiền gia công từ ông P, ông Y có đi chung với ông P đến nhà máy, nhưng chủ yếu thấy công việc của ông Y là phụ giúp ông P trải manh, vác lúa. Ông Phong thì ông Thanh không biết là ai và cũng chưa bao giờ đến nhà máy với ông P lần nào. Bà Quê Em cho rằng vợ chồng bà có hùn số tiền 500.000.000 đồng để mua lúa dựa cùng với ông P, ông Y nhưng không có chứng cứ nào chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[7]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Căn cứ vào Điều 16, Điều 33, Điều 51, Điều 55, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 123, 207, 213, 219, 423 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Quê E.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 39/2022/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang

Xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị M đối với ông Nguyễn Văn P.*

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị M với ông Nguyễn Văn P.

2. *Về con chung:* Không có con chung;

3. *Về tài sản chung:*

3.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M đối với số lúa 79.566 kg gửi tại nhà máy Đ.

3.2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M xin chia thừa đất số 261, tờ bản đồ số 21, diện tích 3540,0m² tọa lạc ấp B, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 03190 cấp ngày 01/6/2011 cho hộ ông Nguyễn Văn P. Hiện nay đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn Y và ông Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 22292 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 09/8/2019.

3.3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện xin chia tài sản chung của bà Lê Thị M đối với ông Nguyễn Văn P.

Hủy các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn P chuyển nhượng ông Nguyễn Văn Y đối với các thửa đất số 25, thửa số 18.

Chia cho bà Lê Thị M các tài sản sau:

+ Thửa đất số 25, tờ bản đồ số 07, diện tích 164,3m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Trên thửa đất này có căn nhà kiên cố diện tích 140.5m² nhà 02 tầng, nhà có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, vách tường, khu phụ trần thạch cao, mái ngói đỡ mái gỗ qui cách, loại nhà KCB2.

+ Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 07, diện tích 181,1m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;

+ 45 % giá trị lúa tương đương số tiền 1.355.467.430 đồng (một tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm sáu mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi đồng).

3.4. Chia cho ông Nguyễn Văn P các tài sản sau;

+ Thửa đất số 18, tờ bản đồ số 06, diện tích 630,8m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

+ Thửa đất số 53, tờ bản đồ số 07, diện tích 67m² tọa lạc ấp A, xã P, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Trên đất có ngôi nhà diện tích nhà 92,45m² nhà có một phần nằm trên hàng lang bảo vệ sông Bảo Định (ngoài phần đất được cấp giấy chứng nhận), nhà có kết cấu cột bê tông cốt thép, nền gạch ceramic, vách tường chưa tô hai mặt, 01 vách nhờ, loại nhà KCB1.

+ 55 % giá trị lúa tương đương số tiền 1.656.682.280 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn hai trăm tám mươi đồng).

3.5. Giao cho ông P quản lý và được quyền sở hữu đối với số lúa 300.000 kg

gửi tại nhà máy T, ông P được quyền đến nhà máy T nhận số lúa trên.

3.6. Ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M 45 % giá trị lúa tương đương số tiền 1.355.467.430 - 48.432.298 đồng (số tiền chênh lệch về nhà đất chia cho bà M) nên còn phải trả bà M số tiền là 1.307.035.023 đồng (một tỷ ba trăm lẻ bảy triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn không trăm hai mươi ba đồng).

(Các thửa đất chia cho bà M, ông P, hình thể, tứ cận, diện tích, số đo, vị trí có theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và mảnh trích đo địa chính kèm theo).

Bà M và ông P có quyền tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu về tài sản đối với các tài sản được chia.

3/ Về án phí:

Bà Lê Thị Quê E phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai thu số 0005498 ngày 03/03/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, xem như nộp xong án phí.

Bà M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 74.450.000 đồng án phí chia tài sản chung, bà M đã nộp 26.700.000 đồng theo biên lai thu số 0003851 ngày 16/6/2020 nên được cản trừ, còn phải nộp tiếp 48.050.000 đồng, ông P phải chịu 80.474.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan

